

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2018/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2018

**THÔNG TƯ**

**Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực  
mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp,  
trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng,  
thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp  
và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên**

*Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp có đăng ký hoạt động đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên (sau đây gọi tắt là cơ sở đào tạo giáo viên) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tín chỉ* là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

2. *Chương trình đào tạo* là hệ thống kiến thức lý thuyết và thực hành, thực tập được thiết kế đồng bộ với phương pháp giảng dạy, học tập, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo người học tích lũy được kiến thức và đạt được năng lực cần thiết đối với trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo từng ngành đào tạo.

3. *Chuẩn đầu ra* là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo giáo viên cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

4. *Khối lượng kiến thức tối thiểu* là tổng khối lượng học tập, các khối kiến thức, nội dung trong từng khối kiến thức và khối lượng học tập cụ thể mà người học phải tích lũy được khi hoàn thành chương trình đào tạo theo từng ngành đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.

5. *Năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp* là khả năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong hoạt động giảng dạy, giáo dục người học tương ứng với trình độ và ngành đào tạo trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng, thái độ, ý thức trách nhiệm của người giáo viên, tính chủ động sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan, tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức nhà giáo và tâm huyết nghề nghiệp.

6. *Năng lực tự chủ và trách nhiệm* là khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học trong việc tổ chức, thực hiện một công việc và trách nhiệm của cá nhân với nhóm và cộng đồng.

## **Chương II**

### **KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN**

#### **Điều 4. Khối lượng kiến thức tối thiểu**

##### **1. Trình độ trung cấp**

a) Khối lượng kiến thức tối thiểu 35 tín chỉ đối với đối tượng đầu vào là người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, không bao gồm số lượng tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh;

b) Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành phải đảm bảo: lý thuyết chiếm từ 55% - 60%, thực hành từ 40% - 45%.

##### **2. Trình độ cao đẳng**

a) Khối lượng kiến thức tối thiểu 60 tín chỉ đối với đối tượng đầu vào là người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, không bao gồm số lượng tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh;

b) Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành phải đảm bảo: Lý thuyết chiếm từ 60% - 65%, thực hành từ 35% - 40%.

#### **Điều 5. Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên**

##### **1. Yêu cầu chung**

a) Có tinh thần yêu nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng; nghiêm túc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trách nhiệm đối với sự nghiệp giáo dục và ý thức trách nhiệm công dân đối với các vấn đề xã hội, tích cực tham gia phát triển cộng đồng;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; có tác phong sư phạm chuẩn mực, trung thực trong nghề nghiệp và cuộc sống; có lối sống lành mạnh, văn minh, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, chuẩn mực trong quan hệ với đồng nghiệp và người học;

c) Có trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; có năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu và học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

##### **2. Trình độ trung cấp**

###### **a) Kiến thức**

Có kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm trong phạm vi của nhóm ngành đào tạo giáo viên; có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc giảng dạy, giáo dục và hoạt động xã hội có liên quan; thường xuyên bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

b) Kỹ năng

Có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục; vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã có để giải quyết vấn đề bằng việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp cơ bản, công cụ, tài liệu và thông tin; có kỹ năng giao tiếp ứng xử và truyền đạt hiệu quả các kiến thức, thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người học trong nhà trường và công sở; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng và kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục và những nhiệm vụ được giao khác của các thành viên trong tổ, nhóm chuyên môn.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với tổ, nhóm chuyên môn; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc giảng dạy, giáo dục đã được giao; đánh giá hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ, nhóm.

3. Trình độ cao đẳng

a) Kiến thức

Có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi của nhóm ngành đào tạo giáo viên và lĩnh vực giáo dục; có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc giảng dạy, giáo dục và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực giáo dục; có kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình trong giảng dạy, giáo dục; thường xuyên bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

b) Kỹ năng

Có kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng; có năng lực cần thiết giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong giảng dạy, giáo dục; có kỹ năng giao tiếp ứng xử và truyền đạt hiệu quả các kiến thức, thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người học trong nhà trường và công sở; có khả năng phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng và kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục và những nhiệm vụ được giao khác của các thành viên trong tổ, nhóm chuyên môn;

có khả năng sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào giảng dạy, giáo dục và nghiên cứu khoa học; có khả năng nghiên cứu, thực hiện thành công đề tài, dự án và chuyển giao kết quả nghiên cứu trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; đăng tải được các kết quả nghiên cứu, xuất bản được nguồn học liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

**Điều 6. Nội dung quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo từng ngành đào tạo**

Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên đối với từng ngành đào tạo gồm các nội dung sau:

1. Tên ngành đào tạo.
2. Trình độ đào tạo.
3. Đối tượng đào tạo.
4. Yêu cầu về chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.
5. Khung kiến thức, kỹ năng tối thiểu bao gồm các khối kiến thức, kỹ năng: khối kiến thức, kỹ năng chung; khối kiến thức, kỹ năng cơ bản; khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm và các nội dung giáo dục liên quan khác. Trong đó quy định cụ thể các nội dung trong từng khối kiến thức, kỹ năng và yêu cầu khối lượng học tập đối với từng nội dung.
6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.
7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.
8. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc gia, quốc tế có thể tham khảo.

**Chương III**  
**QUY TRÌNH XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP,**  
**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN**

**Điều 7. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo**

1. Thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên ra quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo (sau đây gọi chung là Hội đồng xây dựng); Thành viên tham gia Hội đồng xây dựng là những người am hiểu về ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo bao gồm: đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện phòng đào tạo, một số giáo viên hoặc giảng viên đứng ngành đào tạo, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành viên liên quan khác theo yêu cầu của ngành đào tạo và đại diện một số cơ quan, đơn vị sử dụng lao động thuộc ngành đào tạo.

2. Thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên quyết định tiêu chuẩn, số lượng thành viên tham gia Hội đồng xây dựng và tổ chức xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên đối với từng ngành đào tạo phù hợp với quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo gồm các bước sau:

a) Nghiên cứu, khảo sát về nhu cầu thực tiễn ngành, trình độ đào tạo, đặc trưng môi trường làm việc, nhiệm vụ và hoạt động chủ yếu của người học sau khi tốt nghiệp đảm nhận, vị trí việc làm, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên;

b) Xác định các năng lực cần có để có thể hoàn thành các nhiệm vụ, công việc và hoạt động chủ yếu của người học sau khi tốt nghiệp phải đảm nhận theo vị trí việc làm và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên;

c) Thiết kế, xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

d) Xác định cấu trúc, nội dung, khối lượng kiến thức, kỹ năng của chương trình đào tạo nhằm đảm bảo mục tiêu và chuẩn đầu ra, đồng thời tham khảo, so sánh với các chương trình đào tạo tương ứng về trình độ và ngành đào tạo ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo;

đ) Thiết kế chương trình chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định;

e) Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên, giáo viên, của tổ chức, đơn vị, cá nhân tuyển dụng, sử dụng giáo viên và cựu học sinh, sinh viên về dự thảo chương trình đào tạo;

g) Chính sửa, biên tập, hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở nghiên cứu tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng thẩm định được thành lập theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này;

h) Báo cáo quá trình, dự thảo chương trình đào tạo tại phiên họp của Hội đồng thẩm định, giải trình và tiếp thu các ý kiến của Hội đồng thẩm định để hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo cho đến khi được Hội đồng thẩm định thông qua và thống nhất trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên ký ban hành theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 8 Thông tư này;

i) Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học, học phần và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

### **Điều 8. Quy trình thẩm định và ban hành chương trình đào tạo**

1. Thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo từng trình độ và từng ngành đào tạo (sau đây gọi chung là Hội đồng thẩm định). Số lượng, tiêu chuẩn và cơ cấu Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo được quy định như sau:

a) Số lượng thành viên của Hội đồng thẩm định đối với từng trình độ, theo từng ngành đào tạo là số lẻ và có ít nhất là 5 thành viên. Các thành viên Hội đồng thẩm định có trình độ từ thạc sỹ trở lên đúng ngành/chuyên ngành đào tạo với chương trình cần thẩm định; trong đó có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo; các thành viên Hội đồng xây dựng không tham gia Hội đồng thẩm định. Khuyến khích các cơ sở đào tạo mời giảng viên có uy tín của các cơ sở giáo dục đại học trong nước và ngoài nước tham gia Hội đồng thẩm định chương trình;

b) Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch, Thư ký và một số Ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau. Cơ sở đào tạo giáo viên có chương trình cần thẩm định không tham gia hoặc chỉ cử một người tham gia Hội đồng thẩm định.

2. Hội đồng thẩm định căn cứ vào các quy định của quy chế đào tạo hiện hành đối với trình độ đào tạo tương ứng; quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình

độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên và các quy định hiện hành về chương trình đào tạo; mục tiêu, yêu cầu của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo; chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp và điều kiện thực hiện chương trình; các tiêu chí đánh giá chương trình để thẩm định chương trình đào tạo.

3. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng; từng thành viên của Hội đồng thẩm định nhận xét, đánh giá về bản dự thảo; nghe ý kiến giải trình của Hội đồng xây dựng; Hội đồng thẩm định tổ chức bỏ phiếu đánh giá; Chủ tịch Hội đồng kết luận; các phiên họp của Hội đồng thẩm định đảm bảo có ít nhất 2 phần 3 tổng số thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó phải có Chủ tịch và Thư ký; Biên bản cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham dự.

4. Quy trình thẩm định chương trình đào tạo gồm các bước sau:

a) Hội đồng xây dựng báo cáo quá trình và dự thảo chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo từng ngành đào tạo;

b) Các thành viên Hội đồng thẩm định nhận xét, đánh giá về dự thảo chương trình đào tạo;

c) Hội đồng xây dựng giải trình, tiếp thu các ý kiến của từng thành viên Hội đồng thẩm định;

d) Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổng hợp nhận xét, đánh giá và kết luận sơ bộ về dự thảo chương trình đào tạo;

đ) Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổ chức bỏ phiếu đánh giá dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở các tiêu chí và mức độ đánh giá theo quy định;

e) Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết luận về chất lượng của dự thảo chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo từng ngành đào tạo và đưa ra hình thức tổ chức thẩm định tiếp theo (nếu có);

g) Hội đồng thẩm định lập biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng thẩm định trong đó Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không được thông qua.

5. Thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên ký quyết định ban hành chương trình đào tạo đã được Hội đồng xây dựng hoàn thiện và Hội đồng thẩm định thông qua;

công bố công khai chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo thực hiện trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

### **Điều 9. Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá chương trình đào tạo**

1. Quy trình cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo gồm các bước sau:

a) Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo;

b) Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi về học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...);

c) Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo;

d) Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua;

đ) Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung. Nếu cần thiết, Hội đồng khoa học và đào tạo quyết định việc thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Tổ chức đánh giá chương trình đào tạo

a) Ít nhất 2 năm một lần, Thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;

b) Thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên ký quyết định ban hành và công bố công khai chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá theo khoản 1 Điều này.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này tại các cơ sở đào tạo giáo viên.

2. Thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên có trách nhiệm tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo hiện hành và tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên đối với từng ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư này.

3. Cơ sở đào tạo giáo viên có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra nội bộ và tự đánh giá việc tổ chức thực hiện các quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên đối với từng ngành đào tạo của nhà trường theo quy định tại Thông tư này.

#### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 02 năm 2019.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 16/2010/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Chương trình khung trung cấp chuyên nghiệp.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ sở đào tạo giáo viên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Lê Hải An**